

KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN TRÍ THỨC TRẺ

Tham gia Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ nhận nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013-2020

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trường đào tạo	Trình độ đào tạo			Điểm học tập	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	TỔNG ĐIỂM	Diện ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ				Chuyên ngành	Trình độ	TN loại						
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I. HUYỆN MINH HÓA																	
* Chức danh Văn phòng - Thống kê																	
1	14	Trương Văn	Chung	x		5/6/1990	Minh Hóa	Đại học Khoa học Huế	Triết học	ĐH	Khá	74.1	33.0		107.1		
2	31	Phạm Văn	Dũng	x		10/10/1991	Quảng Trạch	ĐH Sài Gòn	Công nghệ TT	ĐH	Khá	70.4	11.7		82.1		
3	40	Trần Quỳnh	Dương	x		10/10/1991	Quảng Trạch	ĐH Kinh tế Huế	Tin học kinh tế	ĐH	Khá	76.6	81.0		157.6		
4	75	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		x	1/11/1991	Tuyên Hóa	ĐH Huế	Luật	ĐH	Khá	77.3	75.7	10	163.0	Con TB	
5	77	Đình Thị Thanh	Hào		x	25/5/1991	Minh Hóa	ĐH Quảng Bình	Tin học	ĐH	Khá	71.6	70.3		141.9		
6	105	Nguyễn Thị	Hoa		x	6/6/1991	Tuyên Hóa	Học viện Hành chính	Quản lý và tổ chức nhân sự	ĐH	Khá	75	93.7		168.7		
7	118	Phạm Thị	Hồng		x	26/6/1990	Quảng Trạch	ĐH Đà Nẵng	Văn học	ĐH	Giỏi	80.2	36.0		116.2		
8	122	Hồ Thị	Hợp		x	28/7/1988	Tuyên Hóa	ĐH Sư phạm Huế	Ngữ văn	ĐH	Khá	72.6	77.3		149.9		

9	128	Cao Mạnh Hùng	x		21/1/1986	Minh Hóa	ĐH HCM	Công nghệ TT	ĐH	Khá	71.4	54.7	10	136.1	Con TB	
10	168	Nguyễn Thị Lan		x	10/4/1991	Quảng Trạch	ĐH Quảng Bình	Văn sử	ĐH	Khá	78.1	56.7		134.8		
11	175	Cao Ngọc Liễu	x		18/9/1984	Minh Hóa	ĐH HCM	Công nghệ TT	ĐH	TB	58.6	72.3	10	140.9	Con TB	
12	178	Trần Thị Thùy Linh		x	18/2/1992	Ba Đồn	ĐH Quảng Bình	Ngữ văn	ĐH	Giỏi	81.1	48.0		129.1		
13	179	Nguyễn Thị Lĩnh		x	5/8/1989	Lệ Thủy	ĐH Phú Xuân	Văn học	ĐH	Khá	77.6	65.7		143.3		
14	184	Nguyễn Thị Loan		x	20/5/1989	Quảng Trạch	ĐH Khoa học Huế	Triết học	ĐH	Khá	74.6	36.3		110.9		
15	192	Phạm Văn Lợi	x		6/9/1990	Quảng Trạch	ĐH Quảng Bình	Tin học	ĐH	Trung bình	66.1	44.0		110.1		
16	202	Phan Thị Mai Ly		x	12/2/1989	Bố Trạch	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	Văn học	ĐH	Khá	76.8	51.7		128.5		
17	206	Lương Lê Hương Mai		x	22/2/1991	Minh Hóa	ĐH Duy Tân	Văn học	ĐH	Khá	80.2	53.3		133.5		
18	210	Đinh Thị Mến		x	2/10/1991	Minh Hóa	ĐH Khoa học Huế	Văn học	ĐH	Khá	80.2	74		154.2		
19	217	Trần Thị Lệ Mỹ		x	20/8/1987	Minh Hóa	ĐH Bình Dương	Ngữ văn	ĐH	Khá	72.1	44		116.1		
20	230	Võ Thị Bích Ngọc		x	25/8/1989	Tuyên Hóa	ĐH Phú Xuân	Văn học	ĐH	Khá	78.8	56.6		135.4		
21	266	Lê Doãn Phú	x		15/4/1989	Lệ Thủy	ĐH Quảng Bình	Văn-sử	ĐH	Khá	75.1	69		144.1		
22	314	Nguyễn Thị Phương Thảo		x	2/6/1990	Ba Đồn	ĐH Khoa học Huế	Văn học	ĐH	Khá	79.4	88.3		167.7		
23	313	Hoàng Thị Hồng Thảo		x	26/3/1990	Lệ Thủy	ĐH Huế	Văn học	ĐH	Khá	76	71.7		147.7		
24	381	Phạm Thị Vân		x	12/5/1985	Tuyên Hóa	ĐH Vinh	Văn học	Thạc sỹ	Khá	70	64.3	10	144.3	Thạc sỹ	

25	380	Nguyễn Thị Hồng Vân		x	10/9/1991	Tuyên Hóa	ĐH Quảng Bình	Ngữ văn	ĐH	Xuất sắc	84.8	49.3		134.1		
26	389	Đinh Thị Bảo Yến		x	10/3/1989	Mình Hóa	ĐH Phú Xuân	Văn học	ĐH	TB khá	67.7	87		154.7		

*** Chức danh Tư pháp - Hộ tịch**

1	21	Nguyễn Thị Bích Diệp		x	20/4/1991	Bồ Trạch	ĐH Huế	Luật	ĐH	Khá	77.4	55.7	10	143.1	Con TB	
2	34	Lê Thị Duy		x	7/5/1991	Bồ Trạch	ĐH Huế	Luật	ĐH	Giỏi	82.1	54.7		136.8		
3	66	Nguyễn Thị Thanh Hà		x	10/7/1991	Bồ Trạch	ĐH Huế	Luật HC	ĐH	Khá	78	63.3		141.3		
4	98	Nguyễn Trung Hiếu	x		16/3/1992	Quảng Trạch	ĐH Huế	Luật	ĐH	Giỏi	82.4	71.3		153.7		
5	104	Nguyễn Thị Hoa		x	12/10/1991	Mình Hóa	Đại học Sư phạm Huế	Giáo dục CT, GD Quốc phòng	ĐH	Khá	76.8	44.0		120.8		
6	113	Đinh Thị Thu Hoài		x	28/1/1990	Mình Hóa	ĐHSP Huế	GDCT-GD Quốc phòng	ĐH	Khá	75.4	55.7		131.1		
7	126	Nguyễn Thị Hồng Huệ		x	16/3/1992	Bồ Trạch	Đại học Huế	Luật Dân sự	ĐH	Giỏi	82.8	73.0		155.8		
8	129	Cao Thanh Huy	x		15/11/1986	Mình Hóa	ĐH Luật Hà Nội	Luật	ĐH	TB khá	61.6	78.0		139.6		
9	137	Phan Thị Khánh Huyền		x	6/9/1989	Mình Hóa	ĐH Sư phạm Huế	Giáo dục CT, GD Quốc phòng	ĐH	Khá	79.1	80.3	20	179.4	Dân tộc Sách	
10	173	Nguyễn Thị Bích Liên		x	22/5/1990	Bồ Trạch	ĐH Luật Đà Lạt	Luật	ĐH	Khá	68.6	50.0	10	128.6	Con TB	
11	183	Phạm Thị Thanh Loan		x	10/4/1992	Quảng Trạch	ĐH Huế	Luật	ĐH	Khá	78.6	50.0		128.6		
12	208	Nguyễn Thị Mẫn		x	14/4/1991	Quảng Ninh	ĐH Huế	Luật	ĐH	Giỏi	80.8	56	10	146.8	Con TB	
13	222	Nguyễn Thành Nam	x		17/9/1991	Bồ Trạch	ĐH Huế	Luật	ĐH	Khá	78.8	73		151.8		

14	245	Nguyễn Thị Nhi		x	16/10/1992	Lê Thủy	ĐH Huế	Luật	ĐH	Khá	75.6	30		105.6		
15	276	Lương Ánh Phượng		x	28/1/1991	Bồ Trạch	ĐH Huế	Luật	ĐH	Khá	73.8	60		133.8		
16	281	Đinh Thị Tố		x	18/6/1992	Minh Hóa	ĐH Sư phạm Huế	GDCT-GD Quốc phòng	ĐH	Giỏi	80.5	82.3		162.8		
17	294	Nguyễn Nữ Mai		x	8/7/1992	Minh Hóa	ĐH Huế	Luật	ĐH	Giỏi	79.5	65		144.5		
18	303	Ngô Đức Thanh	x		6/5/1990	Quảng Trạch	ĐH Luật Huế	Luật	ĐH	Giỏi	81.3	68.3	10	159.6	Con TB	
19	304	Đinh Minh Thanh	x		18/10/1989	Minh Hóa	ĐH Vinh	Chính trị - Luật	ĐH	Khá	67.4	81.7		149.1		
20	316	Tường Ngọc Thế	x		6/11/1988	Quảng Trạch	ĐH Huế	Luật	ĐH	Giỏi	80.5	64.3		144.8		
21	321	Cao Thị Thanh Thóa		x	17/3/1992	Minh Hóa	ĐH Huế	Luật	ĐH	Khá	77.9	61.3		139.2		
22	332	Nguyễn Thị Thu Thủy		x	16/6/1992	Lê Thủy	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Luật kinh tế	ĐH	Khá	77.2	68.3		145.5		
23	372	Đinh Minh Tuyên	x		22/9/1988	Minh Hóa	ĐH Huế	Luật	ĐH	TB Khá	63	40		103.0		
24	379	Đinh Thị Hồng Vân		x	15/11/1992	Minh Hóa	ĐH Đà Lạt	Luật	ĐH	Khá	68.8	46.3		115.1		

II. HUYỆN QUẢNG TRẠCH

* Chức danh Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Môi trường

1	6	Lê Đức Anh	x		24/9/1991	Ba Đồn	ĐH Nông Lâm Huế	Công nghiệp và công trình NT	ĐH	Khá	74.1	60.0		134.1		
2	17	Nguyễn Như Cương	x		30/4/1989	Quảng Trạch	ĐH Quốc gia TP.HCM	Quản lý và công nghệ môi trường	ĐH	TB Khá	68.5	86.3		154.8		
3	100	Võ Doãn Hiếu	x		23/9/1987	Quảng Ninh	ĐH Cửu Long	Nông học	ĐH	Khá	75.5	36.7		112.2		
4	159	Dương Thanh Hương	x		14/9/1991	Bồ Trạch	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế Tài nguyên và MT	ĐH	Trung bình	65.8	45.7	10	121.5	Con TB	

5	144	Vũ Thị Thanh	Huyền		x	1/10/1991	Tuyên Hoá	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế nông nghiệp	ĐH	Khá	71.9	47.0		118.9		
6	185	Ngô Thị	Loan		x	20/7/1988	Đồng Hới	ĐH Kinh tế Quốc dân	Kinh tế-Quản lý tài nguyên và MT	ĐH	Giỏi	83.1	64.7		147.8		
7	197	Nguyễn Thị	Lương		x	5/3/1992	Quảng Trạch	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế Nông nghiệp và PTNT	ĐH	Giỏi	80.9	62.7		143.6		
8	258	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		x	1/6/1989	Ba Đồn	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế Nông nghiệp và PTNT	ĐH	TB Khá	67.3	46.3		113.6		
9	265	Lê Bá	Phi	x		10/7/1991	Tuyên Hoá	ĐH Khoa học Huế	Địa Lý	ĐH	Khá	73.1	27.6		100.7		
10	275	Hồ Thị Lan	Phương		x	12/7/1990	Lệ Thủy	ĐH Khoa học Huế	Địa lý tài nguyên và môi trường	ĐH	Khá	69	40.6		109.6		
11	315	Trần Thị Hồng	Thắm		x	2/10/1988	Ba Đồn	ĐH Nông Lâm Huế	ĐH Nông Lâm Huế	ĐH	Giỏi	83	61		144.0		
12	339	Phan Thị	Thư		x	6/6/1988	Quảng Ninh	ĐH Hồng Bàng HCM	Quản lý đô thị	ĐH	Khá	70.6	63		133.6		

*** Chức danh Văn hóa - Xã hội**

1	8	Nguyễn Trung	Bằng	x		15/10/1986	Quảng Trạch	ĐH Khoa học Huế	Công tác xã hội	ĐH	Khá	73.4	68.3		141.7		
2	16	Cao Thị Kim	Cúc		x	19/5/1990	Minh Hóa	ĐH Vinh	Công tác xã hội	ĐH	Giỏi	80.8	74.3		155.1		
3	27	Hoàng Thị Thu	Dung		x	20/3/1991	Bố Trạch	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	Văn hóa học	ĐH	Giỏi	80.2	61.3		141.5		
4	71	Lương Thanh	Hải	x		14/8/1991	Bố Trạch	Học viện hành chính	QLNN về xã hội	ĐH	Khá	72.8	72.3		145.1		
5	157	Phạm Thị Thu	Hương		x	29/4/1991	Quảng Trạch	ĐH Văn hóa Hà Nội	Quản lý văn hóa	ĐH	Giỏi	82.4	78.0	10	170.4	Con TB	
6	140	Đinh Thị Hoa	Huyền		x	4/9/1987	Đồng Hới	ĐH Khoa học Huế	Công tác xã hội	ĐH	Giỏi	83.5	57.0		140.5		
7	228	Đinh Thị Thủy	Nga		x	20/10/1987	Minh Hóa	ĐH Khoa học Huế	Công tác xã hội	ĐH	Khá	72.2	12		84.2		

8	317	Hoàng Thị	Thế		x	18/6/1988	Quảng Trạch	ĐH Khoa học Huế	Công tác xã hội	ĐH	Giỏi	82.3	67	10	159.3	Con TB
9	333	Phạm Thị	Thủy		x	20/8/1990	Quảng Trạch	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	Văn hóa - Du lịch	ĐH	Khá	77.3	92.3	10	179.6	Con TB

III. HUYỆN BỐ TRẠCH

* Chức danh Kế toán

1	1	Đinh Thị Diệu	Ái		x	19/9/1991	Minh Hóa	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị KD	ĐH	Khá	80.6	70.0	10	160.6	Con TB
2	11	Nguyễn Thị	Bình		x	6/6/1990	Bố Trạch	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Khá	75	46.3		121.3	
3	20	Nguyễn Thị	Diệp		x	28/3/1991	Đồng Hới	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Giỏi	82.4	71.6		154.0	
4	24	Nguyễn Thị Kim	Dung		x	15/12/1984	Bố Trạch	ĐH Vinh	Kế toán	ĐH	Khá	71	40.3		111.3	
5	37	Trần Thị Kiều	Dương		x	1/6/1991	Ba Đồn	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	76.3	35.3		111.6	
6	35	Nguyễn Thị	Duyên		x	25/4/1991	Tuyên Hóa	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Giỏi	84.2	46.7		130.9	
7	53	Lê Thị Cẩm	Giang		x	12/12/1992	Quảng Ninh	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán	ĐH	Giỏi	80.6	68.7		149.3	
8	54	Nguyễn Thị Cẩm	Giang		x	16/7/1990	Bố Trạch	ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính-Ngân hàng	ĐH	Khá	77.2	62.7		139.9	
9	51	Trần Hồng	Giang	x		6/6/1990	Tuyên Hóa	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Khá	72.2	64.0		136.2	
10	60	Lê Thị Ngọc	Hà		x	21/6/1990	TX Ba Đồn	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	75.8	81.0	10	166.8	Con TB
11	61	Hoàng Việt	Hà	x		6/2/1991	Bố Trạch	Đại học Quảng Bình	Quản trị Kinh doanh	ĐH	Giỏi	78.9	58.7	10	147.6	Con TB
12	83	Mai Thị	Hằng		x	10/6/1990	Ba Đồn	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Giỏi	81.1	35.6		116.7	
13	72	Đinh Thị	Hạnh		x	17/3/1989	Bố Trạch	ĐH Mở HCM	Kế toán	ĐH	TB khá	66.4	65.7	10	142.1	Con TB

14	86	Phạm Thị Thu	Hiền		x	8/10/1991	Quảng Trạch	ĐH Duy Tân	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	Giỏi	77.6	80.3		157.9		
15	87	Đinh Thị Nguyệt	Hiền		x	15/9/1987	Tuyên Hóa	ĐH KD và CN Hà Nội	Kế toán	ĐH	Khá	76.1	54.6		130.7		
16	90	Phan Thị Thu	Hiền		x	4/10/1992	Bố Trạch	ĐH Phú Xuân	Kế toán	ĐH	Giỏi	82.4	37.6		120.0		
17	101	Nguyễn Thị	Hoa		x	28/10/1989	Quảng Ninh	ĐH Duy Tân	Quản trị Kinh doanh	ĐH	Giỏi	82	62.3		144.3		
18	109	Hồ Thị Thanh	Hóa		x	26/8/1992	Quảng Trạch	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	78.9	60.7		139.6		
19	123	Nguyễn Thị	Huệ		x	18/7/1991	Bố Trạch	ĐH Duy Tân	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	Giỏi	81.8	81.7		163.5		
20	149	Nguyễn Thị Lan	Hương		x	25/10/1991	Bố Trạch	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế	ĐH	Giỏi	81.7	56.3		138.0		
21	150	Nguyễn Thị Hồng	Hương		x	10/9/1989	Bố Trạch	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Khá	67.2	63.3		130.5		
22	134	Nguyễn Thị	Huyền		x	10/9/1992	Bố Trạch	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	77.9	68.3		146.2		
23	132	Trần Thị Ngọc	Huyền		x	4/7/1992	Ba Đồn	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	77.8	55.7		133.5		
24	166	Nguyễn Thị	Lan		x	2/9/1991	Bố Trạch	ĐH Duy Tân	Kế toán-Kiểm toán	ĐH	Xuất sắc	86.7	72.0		158.7		
25	165	Nguyễn Thị Minh	Lan		x	20/8/1992	Quảng Trạch	ĐH Công nghiệp HCM	Kế toán-Kiểm toán	ĐH	Giỏi	80	70.3		150.3		
26	172	Phạm Thị Mỹ	Lệ		x	3/8/1991	Bố Trạch	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Giỏi	82.2	68.0		150.2		
27	176	Nguyễn Thị Thùy	Linh		x	21/3/1991	Bố Trạch	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	ĐH	Khá	73.5	93.0		166.5		
28	177	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		x	28/2/1991	Bố Trạch	ĐH Đông Á	Kế toán	ĐH	Khá	76	41.7	10	127.7	Con TB	
29	180	Lê Thị Tú	Loan		x	2/10/1992	Tuyên Hóa	ĐH Duy Tân	Tài chính-Ngân hàng	ĐH	Giỏi	75.8	77.7		153.5		

30	194	Nguyễn Thị Lương		x	18/11/1989	Tuyên Hóa	ĐH Vinh	Kế toán	ĐH	Khá	73	45.3	10	128.3	Con TB	
31	193	Nguyễn Thị Luyến		x	2/5/1989	Đồng Hới	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh	ĐH	Khá	74.2	45.0		119.2		
32	199	Đình Thị Khánh Ly		x	21/9/1990	Minh Hóa	ĐH Duy Tân	Kế toán-Kiểm toán	ĐH	Khá	77.2	54.3		131.5		
33	220	Trương Văn Nam	x		7/9/1991	Minh Hóa	ĐH Quảng Bình	Quản trị kinh doanh	ĐH	Khá	69.4	30.3		99.7		
34	237	Nguyễn Thị Thanh Nhân		x	5/6/1991	Quảng Ninh	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh	ĐH	Giỏi	84.4	31		115.4		
35	242	Mai Thị Thùy Nhân		x	10/11/1988	Bố Trạch	ĐH Bách Khoa Hà Nội	QT kinh doanh	ĐH	Giỏi	82.5	56.7		139.2		
36	252	Phan Thị Thùy Nhung		x	6/6/1991	Bố Trạch	ĐH Đông Á	Kế toán	ĐH	Giỏi	81.2	82		163.2		
37	251	Lê Hồng Nhung		x	13/2/1992	Quảng Ninh	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	81.8	30		111.8		
38	261	Lê Thị Nụ		x	10/5/1989	Bố Trạch	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Xuất sắc	82.2	42.6		124.8		
39	271	Phan Thị Lệ Phương		x	22/1/1991	Bố Trạch	ĐH Đông Á	Kế toán	ĐH	Giỏi	81.7	32.6		114.3		
40	270	Nguyễn Thị Hoài Phương		x	17/10/1991	Tuyên Hóa	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế	ĐH	Khá	76.7	29.8		106.5		
41	286	Phan Như Quỳnh		x	2/6/1989	Bố Trạch	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	82	57.7		139.7		
42	287	Võ Thị Hồng Sang		x	16/7/1991	Tuyên Hóa	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế	ĐH	Khá	70.1	36	10	116.1	Con TB	
43	288	Võ Thị Sáu		x	10/4/1992	Bố Trạch	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Xuất sắc	84.1	45.7		129.8		
44	300	Phan Thị Hoài Thanh		x	13/2/1990	Bố Trạch	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Khá	78.7	81.7		160.4		
45	299	Lê Thị Thanh		x	5/9/1988	Bố Trạch	ĐH Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	Thạc sỹ	Khá	70.6	61	10	141.6	Thạc sỹ	

46	298	Nguyễn Thị Hoài	Thanh		x	28/9/1992	Bồ Trạch	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	81.8	52.3		134.1		
47	310	Hồ Thị Thanh	Thảo		x	20/1/1991	Bồ Trạch	ĐH Tài chính-Kế toán	Kế toán	ĐH	Khá	79.8	75.7		155.5		
48	311	Nguyễn Phương	Thảo		x	10/1/1992	Bồ Trạch	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán	ĐH	Khá	77.2	30.3	10	117.5	Con TB	
49	322	Đặng Thị	Thom		x	11/7/1989	Bồ Trạch	ĐH Sài gòn	Kế toán	ĐH	Khá	73.4	56.7	10	140.1	Con TB	
50	324	Mai Thị	Thu		x	10/10/1992	Bồ Trạch	ĐH Quy Nhơn	Kế toán	ĐH	Giỏi	80.3	73.7		154.0		
51	340	Trần Thị	Thương		x	20/10/1987	Tuyên Hóa	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại	ĐH	Khá	69	45.6		114.6		
52	327	Hoàng Thị Thanh	Thúy		x	9/8/1990	Bồ Trạch	ĐH Duy Tân	Quản trị kinh doanh	ĐH	Khá	80.1	59		139.1		
53	352	Trương Thanh	Trà		x	10/11/1991	Đồng Hới	ĐH Kinh tế Quốc dân	Tài chính-Ngân hàng	ĐH	Giỏi	78.6	56		134.6		
54	357	Trần Thị Quỳnh	Trang		x	3/3/1990	Đồng Hới	ĐH Quảng Bình	Quản trị kinh doanh	ĐH	Giỏi	81.5	41.3		122.8		
55	354	Nguyễn Thị Huyền	Trang		x	4/3/1992	Ba Đồn	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	78	32.3		110.3		
56	355	Phan Thị Thùy	Trang		x	14/9/1990	Quảng Ninh	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế	ĐH	Khá	76.3	28.6		104.9		
57	358	Trần Nữ	Trang		x	16/11/1992	Bồ Trạch	ĐH Quy Nhơn	Tài chính-Ngân hàng	ĐH	Khá	75.3	27.3		102.6		
58	356	Đinh Thị Thùy	Trang		x	1/1/1990	Quảng Trạch	ĐH Quảng Bình	Quản trị kinh doanh	ĐH	Khá	70.4	24.3		94.7		
59	385	Cao Quốc	Việt	x		18/5/1986	Minh Hóa	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế	ĐH	TB	59.8	34.7	20	114.5	Dân tộc Sách	
60	387	Phan Thị Hải	Yến		x	20/8/1991	Bồ Trạch	ĐH Duy Tân	Kế toán-Kiểm toán	ĐH	Giỏi	75.9	79.3		155.2		

IV. HUYỆN QUẢNG NINH*** Chức danh Văn phòng - Thống kê**

1	9	Lê Thị Bé		x	6/6/1990	Quảng Ninh	ĐH Duy Tân	Văn học	ĐH	Giỏi	75.1	50.3	10	135.4	Con TB	
2	43	Phan Thị Đào		x	12/6/1989	Quảng Ninh	ĐH Duy Tân	Văn học	ĐH	Giỏi	76.4	72.7		149.1		
3	36	Phạm Thị Thu Duyên		x	8/5/1990	Quảng Trạch	Học viện Hành chính	Quản lý và tổ chức nhân sự	ĐH	Khá	73.9	56.0		129.9		
4	70	Nguyễn Thanh Hải	x		4/11/1991	Bồ Trạch	ĐH Huế	Luật	ĐH	Khá	72.7	46.0		118.7		
5	93	Phan Thị Hiền		x	13/1/1992	Lệ Thủy	ĐH Huế	Văn học	ĐH	Giỏi	81.8	74.3	10	166.1	Con TB	
6	106	Hoàng Thị Hồng Hoa		x	10/11/1989	Lệ Thủy	ĐH Phú Xuân	Văn học	ĐH	Khá	75.4	92.7		168.1		
7	115	Bùi Thị Thu Hoài		x	8/2/1992	Lệ Thủy	ĐH Huế	Luật	ĐH	Giỏi	85.5	68.7		154.2		
8	119	Trịnh Thị Phương Hồng		x	5/6/1986	Quảng Ninh	ĐH Phú Xuân	Văn học	ĐH	Khá	71.9	58.0		129.9		
9	120	Võ Thị Hồng		x	8/11/1989	Quảng Ninh	ĐH Phú Xuân	Văn học	ĐH	Khá	78.4	40.3		118.7		
10	127	Lê Thị Huệ		x	20/10/1990	Quảng Ninh	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	Văn học	ĐH	Giỏi	80.3	67.7		148.0		
11	147	Trần Văn Hưng	x		16/1/1988	Lệ Thủy	ĐH Đà Lạt	Ngữ văn	ĐH	TB khá	66.6	81.0		147.6		
12	155	Nguyễn Thị Hương		x	9/12/1987	Ba Đồn	ĐH Đà Nẵng	Văn học	ĐH	Khá	79	62.3		141.3		
13	138	Lê Thị Ngọc Huyền		x	1/1/1991	Quảng Ninh	ĐH Huế	Luật	ĐH	Khá	78.9	86.3	10	175.2	Con TB	
14	174	Trần Thị Liên		x	13/4/1991	Đồng Hới	ĐH Đà Nẵng	Tin học quản lý	ĐH	Khá	68.6	55.0		123.6		
15	187	Võ Văn Long	x		2/4/1989	Quảng Ninh	ĐH Quảng Bình	Tin học	ĐH	Khá	69.2	56.0		125.2		

16	186	Nguyễn Hoàng Long	x		1/11/1988	Đồng Hới	ĐH Khoa học tự nhiên	Công nghệ TT	ĐH	Trung bình-Khá	65.2	37.3		102.5		
17	239	Lê Thị Thanh Nhân		x	20/1/1992	Quảng Ninh	ĐH Huế	Luật	ĐH	Khá	78.5	34		112.5		
18	247	Phan Thị Hồng Nhị		x	2/1/1991	Quảng Ninh	Đại học Quy Nhơn	Ngữ văn	ĐH	Khá	75.6	28.7		104.3		
19	272	Ngô Hoài Phương	x		8/11/1986	Quảng Trạch	ĐH Quảng Bình	Tin học	ĐH	TB khá	67.2	30		97.2		
20	280	Nguyễn Văn Quê	x		16/12/1988	Lê Thủy	ĐH Đà Nẵng	CNTT	ĐH	Khá	76.4	66	10	152.4	Con TB	
21	292	Hà Văn Sơn	x		8/10/1992	Lê Thủy	ĐH Quảng Bình	Toán học	ĐH	Giỏi	84.6	41		125.6		
22	342	Trần Thị Thương Thương		x	11/11/1990	Lê Thủy	ĐH Đà Nẵng	Văn học	ĐH	Khá	74.2	69.3		143.5		
23	338	Lê Thị Thuyết		x	22/12/1992	Lê Thủy	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	Văn học	ĐH	Khá	77.6	36		113.6		
24	347	Võ Quang Tiến	x		5/10/1987	Quảng Ninh	ĐH Quảng Bình	Tin học	ĐH	Khá	75.5	39.6		115.1		
25	350	Phạm Văn Toàn	x		17/6/1989	Quảng Ninh	ĐH Duy Tân	Công nghệ TT	ĐH	Khá	68.3	86.6		154.9		
26	375	Phạm Thị Kim Tuyền		x	10/8/1991	TX Ba Đồn	ĐH Huế	Triết học	ĐH	Khá	77.5	42.7		120.2		
27	376	Lê Thị Thanh Uyên		x	11/4/1991	Quảng Ninh	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	Văn học	ĐH	Khá	78.5	87		165.5		
28	383	Hoàng Ái Vân		x	9/3/1991	Quảng Ninh	ĐH Huế	Luật	ĐH	Giỏi	80.8	75		155.8		
29	391	Nguyễn Thị Hải Yến		x	29/5/1992	Quảng Ninh	ĐH Kinh tế Huế	Thống kê Kinh doanh	ĐH	Khá	76.5	73		149.5		

V. HUYỆN LỆ THỦY*** Chức danh Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Môi trường**

1	2	Võ Thị Tú	An	x		15/3/1991	Lệ Thủy	ĐH Duy Tân	CN KT Môi trường	ĐH	Giỏi	83.8	38.3		122.1		
2	4	Lê Thị Lan	Anh		x	11/12/1989	Quảng Ninh	Đại học GTVT	Kỹ thuật môi trường	ĐH	Khá	77	35.0		112.0		
3	5	Phan Thị Kim	Anh		x	6/10/1987	Lệ Thủy	ĐH Nông Lâm Huế	Quản lý đất đai	ĐH	Khá	75.9	29.0		104.9		
4	45	Phan Quang	Đặng	x		8/2/1990	Lệ Thủy	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	Công nghệ Môi trường	ĐH	Khá	73.2	76.0	10	159.2	Con TB	
5	44	Huỳnh Thị Anh	Đào		x	26/3/1991	Bồ Trạch	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế nông nghiệp và PTNT	ĐH	Khá	69.5	36.7		106.2		
6	23	Dương Đức	Duẩn	x		3/2/1992	Lệ Thủy	ĐH Nông Lâm Huế	Quản lý đất đai	ĐH	Khá	70.3	52.0		122.3		
7	28	Thiều Thị Thu	Dung		x	5/5/1988	Tuyên Hoá	ĐH Quảng Bình	Nuôi trồng thủy sản	ĐH	Giỏi	82.9	41.0		123.9		
8	32	Nguyễn Văn	Dũng	x		10/10/1991	Lệ Thủy	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế nông nghiệp và PTNT	ĐH	Khá	71.3	73.3		144.6		
9	68	Nguyễn Thị	Hà		x	20/4/1989	Lệ Thủy	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	Công nghệ Môi trường	ĐH	Khá	67.9	61.0		128.9		
10	97	Trương Quang	Hiền	x		10/4/1989	Lệ Thủy	ĐH GTVT	Quy hoạch và QLGT đô thị	ĐH	TB kh	62.1	66.0	10	138.1	Con TB	
11	94	Nguyễn Thị	Hiền		x	3/12/1988	Tuyên Hoá	ĐH Quảng Bình	Nuôi trồng thủy sản	ĐH	Khá	74.4	51.3		125.7		
12	158	Nguyễn Thị Thanh	Hương		x	5/10/1991	Lệ Thủy	ĐH Duy Tân	CN KT Môi trường	ĐH	Xuất sắc	84	47.0		131.0		
13	161	Lê Văn	Hữu	x		4/10/1989	Lệ Thủy	ĐH Nông Lâm Huế	Công nghiệp và công trình nông thôn	ĐH	Khá	72.6	66.3		138.9		
14	131	Nguyễn Văn	Huy	x		21/10/1991	Lệ Thủy	Đại học Đà Lạt	Khoa học môi trường	ĐH	Khá	75	59.0	10	144.0	Con TB	
15	130	Bùi Quang	Huy	x		10/2/1990	Lệ Thủy	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	Công nghệ Môi trường	ĐH	Giỏi	82	59.0		141.0		

16	143	Nguyễn Thị Huyền		x	26/9/1990	Lệ Thủy	ĐH Quảng Bình	Nuôi trồng thủy sản	ĐH	Khá	78.4	62.0		140.4		
17	141	Hoàng Thị Huyền		x	15/4/1990	Bồ Trạch	ĐH Quảng Bình	Nuôi trồng thủy sản	ĐH	Trung bình	66.9	54.0		120.9		
18	163	Lê Hồng Khánh	x		2/9/1992	Bồ Trạch	ĐH Nông Lâm Huế	Quản lý đất đai	ĐH	Trung bình	68.7	41.7		110.4		
19	189	Nguyễn Hữu Lộc	x		5/4/1991	Lệ Thủy	ĐH Duy Tân	Kỹ thuật môi trường	ĐH	Khá	80.2	64.7		144.9		
20	188	Phan Thanh Long	x		17/11/1991	Đồng Hới	ĐH Nông Lâm Huế	Quản lý đất đai	ĐH	Khá	77.3	66.3		143.6		
21	207	Trần Thị Mai		x	16/5/1988	Lệ Thủy	ĐH Nông Lâm Huế	Khoa học cây trồng	ĐH	Giỏi	82.4	63.7		146.1		
22	224	Lê Đình Nam	x		28/10/1991	Lệ Thủy	ĐH Nông Lâm Huế	Quản lý đất đai	ĐH	Khá	78.4	54		132.4		
23	223	Hoàng Văn Nam	x		10/7/1988	Bồ Trạch	ĐH Quy Nhơn	Địa chính	ĐH	Khá	79	34.3		113.3		
24	232	Trương Thị Bích Ngọc		x	19/9/1987	Lệ Thủy	ĐH Quang Trung	Kinh tế Nông nghiệp	ĐH	Khá	71	40.3	10	121.3	Con TB	
25	244	Dương Nhật	x		29/7/1985	Lệ Thủy	ĐH Nông lâm Huế	Công nghiệp và công trình nông thôn	ĐH	Trung bình	58.8	37		95.8		
26	246	Nguyễn Thị Ý Nhi		x	19/5/1989	Quảng Ninh	ĐH Lạc Hồng	Công nghệ Môi trường	ĐH	Khá	75.1	14.3		89.4		
27	248	Võ Thị Nho		x	25/6/1988	Lệ Thủy	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	Công nghệ Môi trường	ĐH	Giỏi	85	30		115.0		
28	249	Nguyễn Thị Nhó		x	15/12/1989	Lệ Thủy	ĐH Nông lâm Huế	Nuôi trồng thủy sản	ĐH	Khá	78	39.3		117.3		
29	257	Hoàng Thị Kim Nhung		x	6/8/1988	Quảng Ninh	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	Công nghệ Môi trường	ĐH	Khá	73.6	59		132.6		
30	262	Nguyễn Văn Núi	x		16/4/1985	Lệ Thủy	ĐH Nông Lâm Huế	Quản lý đất đai	ĐH	Khá	73.3	35	10	118.3	Con TB	
31	279	Nguyễn Khánh Quân	x		7/5/1990	Bồ Trạch	ĐH Nông Lâm Huế	Nuôi trồng thủy sản	ĐH	Giỏi	81	41.7		122.7		

32	277	Ngô Trí	Quang	x		30/4/1986	Lệ Thủy	ĐH Nông Lâm Huế	Công nghiệp và công trình NT	ĐH	TB khá	60.6	75	10	145.6	Con TB	
33	293	Lê	Son	x		11/11/1986	Quảng Ninh	ĐH Bình Dương	Công nghệ sinh học	ĐH	TB Khá	61	53.3	10	124.3	Con TB	
34	290	Cao Dòng	Sông	x		16/12/1987	Minh Hóa	ĐH Nông Lâm Huế	Quản lý đất đai	ĐH	TB khá	64.4	31.7	10	106.1	Con TB	
35	309	Võ Minh	Thành	x		2/2/1987	Lệ Thủy	ĐH Nông Lâm Huế	Khuyến nông và PT nông thôn	ĐH	TB khá	66.2	79		145.2		
36	320	Hoàng Thị	Thọ		x	15/12/1991	Quảng Trạch	ĐH Nông Lâm Huế	Quản lý đất đai	ĐH	Khá	80.4	76.3		156.7		
37	343	Đào Thị	Thương		x	19/5/1989	Quảng Ninh	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế nông nghiệp	ĐH	Khá	79.3	69.3		148.6		
38	344	Nguyễn Thị Thanh	Thương		x	18/6/1990	Lệ Thủy	ĐH Lạc Hồng	Công nghệ Môi trường	ĐH	Khá	74.1	62.6		136.7		
39	329	Nguyễn Thị	Thúy		x	25/2/1991	Lệ Thủy	ĐH Nông Lâm Huế	Khuyến nông & PTNT	ĐH	Giỏi	82.1	71.7		153.8		
40	360	Ngô Thị	Trang		x	31/8/1989	Quảng Ninh	ĐH Nông Lâm Huế	Quản lý đất đai	ĐH	Khá	76.8	39		115.8		
41	361	Đào Thị Huyền	Trang		x	1/1/1992	Đồng Hới	ĐH Nông lâm Huế	Khuyến nông và PT nông thôn	ĐH	Khá	76.4	37.3		113.7		
42	367	Dương Tô	Trinh		x	19/4/1988	Bố Trạch	ĐH Nông Lâm Huế	Quản lý đất đai	Thạc sỹ	Khá	76.6	72	10	158.6	Thạc sỹ	
43	370	Ngô Minh	Tuấn	x		18/7/1987	Lệ Thủy	ĐH Nông Lâm Huế	Quản lý đất đai	ĐH	Khá	76.4	42.3		118.7		
44	384	Phạm Quốc	Việt	x		10/8/1990	Bố Trạch	ĐH Nông Lâm Huế	ĐH Nông Lâm Huế	ĐH	Khá	76.4	40.3		116.7		
45	393	Nguyễn Thị	Yến		x	5/2/1992	Lệ Thủy	ĐH Khoa học Huế	Khoa học môi trường	ĐH	Khá	76.4	95.7		172.1		

*** Chức danh Kế toán**

1	3	Bùi Minh	Anh	x		10/6/1988	Quảng Trị	ĐH Nha trang	Kế toán	ĐH	Khá	74.9	45.0		119.9		
---	---	----------	-----	---	--	-----------	-----------	--------------	---------	----	-----	------	------	--	-------	--	--

2	46	Nguyễn Thế	Diễn	x		29/7/1984	Lê Thủy	ĐH Lương Thế Vinh	Kế toán	ĐH	TB kh	67.7	46.0		113.7		
3	47	Phan Trung	Đông	x		6/8/1988	Quảng Ninh	ĐH Quang Trung	Kế toán	ĐH	TB kh	62.8	60.0		122.8		
4	55	Trần Khánh	Giang		x	8/8/1988	Quảng Trạch	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	74.5	60.7		135.2		
5	63	Lê Thị Thu	Hà		x	11/8/1992	Lê Thủy	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	81.9	75.7		157.6		
6	58	Lê Thị Ngọc	Hà		x	3/11/1991	Đồng Hới	ĐH Đông Á	Kế toán	ĐH	Khá	78.4	76.3		154.7		
7	69	Nguyễn Thị	Hai		x	24/4/1988	Đồng Hới	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Giỏi	80	66.3		146.3		
8	73	Lê Thị Mỹ	Hạnh		x	20/1/1990	Quảng Ninh	ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	Kế toán	ĐH	Khá	73.3	66.0		139.3		
9	74	Nguyễn Thị	Hạnh		x	8/8/1990	Lê Thủy	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	ĐH	Khá	72.1	53.0		125.1		
10	103	Dương Thị Thanh	Hoa		x	25/6/1991	Lê Thủy	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Khá	77.7	54.0	10	141.7	Con TB	
11	107	Nguyễn Thị Khánh	Hòa		x	6/3/1991	Quảng Ninh	ĐH Kinh tế HCM	Kế toán	ĐH	Khá	70.8	92.3		163.1		
12	108	Mai Thị Khánh	Hòa		x	20/11/1992	Lê Thủy	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Giỏi	80	56.3		136.3		
13	112	Hoàng Thị	Hoài		x	3/7/1992	Lê Thủy	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Khá	72.8	91.7	10	174.5	Con TB	
14	110	Phan Thị	Hoài		x	9/5/1987	Lê Thủy	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	78.7	49.7		128.4		
15	125	Nguyễn Thị Kim	Huế		x	10/11/1990	Lê Thủy	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán	ĐH	Khá	69.2	63.7		132.9		
16	153	Nguyễn Thị	Hương		x	2/2/1992	Lê Thủy	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	77.3	82.0		159.3		
17	160	Lê Thị	Hương		x	24/10/1991	Lê Thủy	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Xuất sắc	84.8	54.3	10	149.1	Con TB	

18	135	Trần Thị Huyền		x	2/9/1990	Lê Thủy	ĐH Thương mại	Kế toán	ĐH	Khá	71	61.7		132.7		
19	182	Lê Thị Loan		x	18/6/1990	Lê Thủy	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Khá	70.7	43.0		113.7		
20	190	Lê Hữu Lộc	x		22/6/1991	Lê Thủy	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế	ĐH	Khá	78.3	63.0		141.3		
21	191	Nguyễn Thị Lợi		x	10/6/1988	Lê Thủy	ĐH Lạc Hồng	Kế toán	ĐH	TB kh	66.5	71.0		137.5		
22	195	Đỗ Thị Hương		x	10/1/1990	Lê Thủy	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Giỏi	81.4	79.3		160.7		
23	204	Châu Thùy Mai		x	15/8/1989	Lê Thủy	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Giỏi	80.4	63.3		143.7		
24	215	Nguyễn Thị Mùi		x	26/9/1991	Tuyên Hóa	ĐH Quảng Bình	Quản trị Kinh doanh	ĐH	Giỏi	82.5	36.7		119.2		
25	216	Bùi Thị Diệu My		x	15/8/1990	Lê Thủy	ĐH Sài Gòn	Tài chính-Ngân hàng	ĐH	Khá	71.2	20.6		91.8		
26	218	Cao Thị Thanh Na		x	25/1/1985	Minh Hoá	ĐH kinh tế Đà Nẵng	Kế toán	ĐH	Trung bình khá	60.2	33.3		93.5		
27	221	Hà Tiến Nam	x		30/12/1988	Quảng Ninh	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	ĐH	TB	67.1	31.3		98.4		
28	227	Dương Thị Huyền Nga		x	3/2/1991	Lê Thủy	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Khá	77.9	51.3		129.2		
29	229	Cái Thị Như Ngọc		x	15/5/1992	Quảng Ninh	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế	ĐH	Giỏi	83.7	54.6		138.3		
30	236	Phan Thị Nguyệt		x	22/2/1987	Lê Thủy	ĐH Phú Xuân	Kế toán	ĐH	TB khá	62.4	41		103.4		
31	238	Nguyễn Thị Nhân		x	20/5/1992	Quảng Ninh	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	80.3	46.7		127.0		
32	255	Nguyễn Thị Nhung		x	10/4/1988	Lê Thủy	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị Kinh doanh	ĐH	Khá	71	56.7	10	137.7	Con TB	
33	260	Hoàng Quảng Ninh	x		12/9/1988	Lê Thủy	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Khá	68	40.3		108.3		

34	264	Phùng Thị Tú	Oanh		x	20/4/1992	Quảng Ninh	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Xuất sắc	86.4	38.6		125.0		
35	267	Dương Đức	Phú	x		10/8/1991	Lệ Thủy	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Khá	72.8	27.8		100.6		
36	284	Võ Quang	Quyết	x		21/10/1990	Lệ Thủy	ĐH Công nghiệp HCM	Tài chính - Ngân hàng	ĐH	Khá	74	60.3		134.3		
37	295	Phan Thị	Tam		x	13/5/1989	Lệ Thủy	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Khá	77.9	53	10	140.9	Con TB	
38	307	Phạm Văn	Thành	x		12/3/1990	Lệ Thủy	ĐH Quảng Bình	Quản trị Kinh doanh	ĐH	Giỏi	81.7	51		132.7		
39	318	Lê Thị	Thiên		x	5/5/1990	Lệ Thủy	ĐH Sài gòn	Kế toán	ĐH	Khá	71.9	71.2		143.1		
40	319	Nguyễn Đình	Thiệp	x		7/12/1988	Lệ Thủy	ĐH Thương mại	Kế toán	ĐH	Khá	69.5	37.7	10	117.2	Con TB	
41	325	Phạm Duy	Thụ	x		20/3/1988	Lệ Thủy	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	TB	64.3	37.3		101.6		
42	328	Đình Thị	Thúy		x	3/10/1987	Lệ Thủy	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Giỏi	80.7	66		146.7		
43	336	Nguyễn Ngọc	Thúy		x	2/10/1992	Quảng Ninh	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán	ĐH	Khá	73.3	69.3		142.6		
44	330	Nguyễn Thị Biên	Thùy	x		5/6/1991	Lệ Thủy	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán	ĐH	Giỏi	80.7	80.7		161.4		
45	331	Nguyễn Thị	Thùy		x	10/12/1992	Lệ Thủy	ĐH Quảng Bình	Kế toán	ĐH	Khá	77.3	58.3	10	145.6	Con TB	
46	348	Nguyễn Thị	Tình		x	10/4/1992	Đồng Hới	ĐH Quy Nhơn	Kế toán	ĐH	Khá	71	48.6		119.6		
47	349	Phạm Văn	Toán	x		5/2/1991	Quảng Ninh	ĐH Quảng Bình	Quản trị Kinh doanh	ĐH	Khá	74.7	71.3		146.0		
48	364	Trần Thị Lệ	Trinh		x	19/1/1992	Quảng Ninh	ĐH Duy Tân	Kế toán	ĐH	Xuất sắc	84.1	80.6		164.7		
49	369	Trần Anh	Tuấn	x		10/10/1990	Quảng Trạch	ĐH Quảng Bình	Quản trị Kinh doanh	ĐH	Giỏi	82.8	40.3		123.1		

50	374	Phan Thị Thanh	Tuyền		x	20/1/1990	Lệ Thủy	ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	ĐH	TB khá	67.9	31.3		99.2		
* Chức danh Văn hóa - Xã hội																	
1	89	Dương Thị	Hiền		x	2/2/1990	Lệ Thủy	ĐH Khoa học Huế	Công tác xã hội	ĐH	Giỏi	85.8	49.6		135.4		
2	139	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		x	11/2/1988	Lệ Thủy	ĐHLD-XH	Công tác xã hội	ĐH	Khá	78.6	59.3		137.9		
3	233	Võ Doãn	Ngọt	x		1/9/1987	Quảng Ninh	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	Văn hóa học	ĐH	Giỏi	82.9	47		129.9		
4	274	Trần Thị	Phương		x	5/8/1989	Lệ Thủy	ĐH Khoa học Huế	Công tác xã hội	ĐH	Giỏi	80.6	50	10	140.6	Con TB	
5	359	Nguyễn Thị Như	Trang		x	15/1/1987	Lệ Thủy	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	Văn hóa học	ĐH	Khá	76.4	83.6		160.0		

(Danh sách này có 260 trí thức trẻ tham gia phỏng vấn tuyển chọn)

Quảng Bình, ngày 04 tháng 9 năm 2014

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN
CHỦ TỊCH**

Đã ký

**GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Nguyễn Văn Sơn**